

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN GIÁ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND
ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Kon Tum)

**PHẦN A
THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG**

I. CÁC CĂN CỨ

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ xây dựng về việc công bố định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị.

Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Văn bản số 2654/BXD-KTXD ngày 10/11/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương đối với sản phẩm dịch vụ công ích theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH.

II. NỘI DUNG TẬP ĐƠN GIÁ

Đơn giá Duy trì cây xanh đô thị bao gồm các chi phí cần thiết về vật liệu (phân bón, thuốc trừ sâu, nước tưới, vật tư khác), nhân công và một số phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác duy trì cây xanh đô thị.

Phạm vi các công việc duy trì cây xanh đô thị bao gồm các công việc liên quan đến quá trình chăm sóc cây xanh thường xuyên kể từ khi được trồng mới để đảm bảo việc sinh trưởng và phát triển bình thường của cây xanh đô thị.

1) Đơn giá Duy trì cây xanh đô thị bao gồm các chi phí sau:

a) Chi phí vật liệu:

Chi phí vật liệu bao gồm chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các phụ kiện hoặc các bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu tính trong chi phí chung) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác duy trì hệ thống cây xanh đô thị.

Giá vật liệu xây dựng trong tập đơn giá được tính tại thành phố Kon Tum thời điểm tháng 9/2015 theo Công bố số 09/CBLS-XD-TC ngày 16/10/2015 của Liên Sở Xây dựng – Tài chính, đối với những loại vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá được tham khảo tại các thị trường khác. Giá các loại vật liệu trong tập đơn giá chưa tính thuế giá trị gia tăng và được tính đến chân công trình tại thành phố Kon Tum bình quân trong phạm vi vận chuyển 5 km.

b) Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong đơn giá được xác định theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước cụ thể như sau.

- Mức lương đầu vào đưa vào Đơn giá là: Mức lương cơ sở là 1.150.000 đồng/tháng và hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương là 0,7 đối với địa bàn vùng III (thành phố Kon Tum và huyện Đăk Hà) quy định tại mục e, khoản 1, điều 5 Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015.

- Các phụ cấp lương đã tính vào Đơn giá:

+ Phụ cấp lưu động: 0,4 (Quy định tại mục II khoản 2, Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH, đối với công trình ở miền núi, trung du).

+ Phụ cấp khu vực : 0,2. (Quy định tại mục XXXIV, Phụ lục kèm theo thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban dân tộc).

- Các phụ cấp chưa tính vào Đơn giá: Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (nếu có); phụ cấp thu hút và phụ cấp không ổn định sản xuất (nếu có).

- Tùy theo từng đối tượng dự án, công trình được hưởng phụ cấp nào thì tính thêm phụ cấp đó. Riêng đối với phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm nếu áp dụng bậc, hệ số lương theo nhóm công việc đã tính đến điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại nguy hiểm rồi thì không tính thêm phụ cấp này.

- Bậc, hệ số lương nhân công lao động trực tiếp sản xuất trong Đơn giá được tính theo bảng lương I.6 nhóm dịch vụ công ích đô thị trong điều kiện lao động bình thường.

- Bậc, hệ số lương nhân công lao động chuyên môn, nghiệp vụ trong Đơn giá được tính theo bảng lương II.1 của lao động chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đối với các loại công tác dịch vụ công ích có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại nguy hiểm thì chi phí nhân công được nhân với hệ số bằng 1,053 so với tiền lương trong Đơn giá.

- Đối với các loại công tác dịch vụ công ích có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại nguy hiểm thì chi phí nhân công được nhân với hệ số bằng 1,117 so với tiền lương trong Đơn giá.

c) Chi phí máy thi công:

Là chi phí sử dụng máy và thiết bị thi công chính trực tiếp thực hiện, kể cả máy và thiết bị phụ phục vụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác duy trì cây xanh đô thị. Chi phí máy thi công bao gồm chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí tiền lương của công nhân điều khiển máy và chi phí khác của máy.

- Giá xe máy và thiết bị: Được xác định theo:

+ Căn cứ Phương pháp xác định giá ca máy hướng dẫn tại Thông tư số 06/2010/TT-BXD, ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

+ Các định mức, thành phần chi phí:

Các định mức khấu hao, định mức sửa chữa, định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, định mức cấp bậc thợ điều khiển máy, số ca máy thực hiện trong năm: Tham khảo theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng.

Nguyên giá máy: Tham khảo Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng. Một số máy thi công không được quy định tại Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng thì được tham khảo theo Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng và các địa phương khác.

+ Chi phí nhiên liệu, năng lượng chưa tính thuế giá trị gia tăng được xác định như sau:

+ Xăng Ron 92	16.405 đồng/lít	- Mức giá bán lẻ bình quân theo thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về mức giá các mặt hàng xăng, dầu trong tháng 9 năm 2015 tại vùng 2.
+ Dầu Diezel	12.512 đồng/lít	
+ Dầu Mazut No3(380)	8.755 đồng/kg	
+ Điện	1.622,01 đồng/Kwh	- Văn bản số 2256/QĐ-BCT ngày 12/3/2015 quy định về giá bán điện áp dụng từ ngày 16/3/2015.

+ Chi phí nhân công thợ điều khiển máy được tính toán như chi phí nhân công trực tiếp.

III. KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ

Tập đơn giá Duy trì cây xanh đô thị được trình bày theo nhóm, loại công tác và được mã hóa thống nhất theo gồm 03 phần:

PHẦN A: THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

PHẦN B: ĐƠN GIÁ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Chương I: Duy trì thảm cỏ

Chương II: Duy trì cây cảnh

Chương III: Duy trì cây bóng mát

PHẦN C: BẢNG GIÁ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG, XE MÁY VÀ THIẾT BỊ

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHUNG

Tập đơn giá Duy trì cây xanh đô thị làm cơ sở để lập dự toán xây dựng công trình, tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chi phí vật liệu, công cụ lao động khác (như dao, kéo, bay, găng tay, thùng chứa, cuốc ...) sử dụng trực tiếp cho quá trình thực hiện công việc không có trong đơn giá theo công bố. Các chi phí này được xác định trong chi phí quản lý chung của dự toán chi phí thực hiện công tác duy trì cây xanh đô thị theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Trong quá trình áp dụng tập đơn giá Duy trì cây xanh đô thị nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

PHẦN B

**ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHẦN DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

CHƯƠNG I

DUY TRÌ THẨM CỎ

**CX1.01.00 TƯỚI NƯỚC THẨM CỎ THUẦN CHỨNG VÀ KHÔNG THUẦN CHỨNG
(TIỂU ĐẢO, DẢI PHÂN CÁCH...)**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thẩm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của tỉnh tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thẩm cỏ được quy định như sau:**

- + Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 5 lít/ m² (cỏ thuần chủng); 6 lít/ m² (cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 140 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 7 lít/ m² (cỏ thuần chủng); 9 lít/ m² (cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 195 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 7 lít/m² (cỏ thuần chủng); 9 lít/m²(cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 240 lần/năm.

CX1.01.10 TƯỚI NƯỚC GIẾNG KHOAN THẨM CỎ THUẦN CHỨNG BẰNG MÁY BƠM

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước giếng khoan thẩm cỏ thuần chủng bằng máy bơm.				
CX1.01.11	Máy bơm chạy xăng 3cv	100m ² /lần	2.000	15.109	19.145
CX1.01.12	Máy bơm chạy điện 1,5kw	100m ² /lần	2.000	19.997	19.730

CX1.01.20 TƯỚI NƯỚC THẨM CỎ THUẦN CHỦNG BẰNG THỦ CÔNG

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX1.01.21	Tưới nước thẩm cỏ thuần chủng bằng thủ công	100m ² /lần	2.000	26.663	

CX1.01.30 TƯỚI NƯỚC THẨM CỎ THUẦN CHỦNG BẰNG XE BỒN

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước thẩm cỏ thuần chủng bằng xe bồn.				
CX1.01.31	- Xe bồn 5m ³	100m ² /lần	2.000	21.997	31.455
CX1.01.32	- Xe bồn 8m ³	100m ² /lần	2.000	21.997	23.775

CX1.01.40 TƯỚI NƯỚC GIẾNG KHOAN THẨM CỎ KHÔNG THUẦN CHỦNG (TIỂU ĐẢO, DẢI PHÂN CÁCH) BẰNG MÁY BƠM

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước giếng khoan thẩm cỏ không thuần chủng bằng máy bơm.				
CX1.01.41	- Máy bơm chạy xăng 3cv	100m ² /lần	2.400	21.997	22.806
CX1.01.42	- Máy bơm chạy điện 1,5kw	100m ² /lần	2.400	23.997	23.676

CX1.01.50 TƯỚI NƯỚC THẨM CỎ KHÔNG THUẦN CHỦNG (TIỂU ĐẢO, DẢI PHÂN CÁCH) BẰNG THỦ CÔNG

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX1.01.51	Tưới nước thẩm cỏ không thuần chủng bằng thủ công	100m ² /lần	2.400	33.996	

CX1.01.60 TƯỚI NƯỚC THẨM CỎ KHÔNG THUẦN CHỦNG (TIỂU ĐẢO, DẢI PHÂN CÁCH) BẰNG XE BỒN

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước thẩm cỏ không thuần chủng bằng xe bồn.				
CX1.01.61	- Xe bồn 5m ³	100m ² /lần	2.400	19.997	34.314
CX1.01.62	- Xe bồn 8m ³	100m ² /lần	2.400	19.997	23.775

Ghi chú: Đơn giá của các công tác CX1.01.10; CX1.01.20; CX1.01.30; CX1.01.40; CX1.01.50; CX1.01.60 quy định đơn giá đối với các đô thị vùng I. Các đô thị vùng II, vùng III trị số đơn giá nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số: K = 1,42.

CX1.02.00 PHÁT THẨM CỎ THUẦN CHỦNG VÀ THẨM CỎ KHÔNG THUẦN CHỦNG (TIỂU ĐẢO, DẢI PHÂN CÁCH)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Phát thẩm cỏ thường xuyên, duy trì thẩm cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cỏ bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phân hoặc dùng liềm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

CX1.02.10 PHÁT THẨM CỎ BẰNG MÁY

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Phát thẩm cỏ bằng máy				
CX1.02.11	- Thẩm cỏ thuần chủng	100m ² /lần		34.344	17.385
CX1.02.12	- Thẩm cỏ không thuần chủng	100m ² /lần		25.580	12.974

CX1.02.20 PHÁT THẨM CỎ THỦ CÔNG

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Phát thẩm cỏ bằng thủ công				
CX1.02.21	- Thẩm cỏ thuần chủng	100m ² /lần		106.585	
CX1.02.22	- Thẩm cỏ không thuần chủng	100m ² /lần		85.268	

CX1.03.00 XÉN LỀ CỎ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Xén thẳng lề cỏ theo chu vi, cách bó vỉa 10cm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Xén lề cỏ				
CX1.03.01	- Cỏ lá tre	100md/lần		71.057	
CX1.03.02	- Cỏ nhung	100md/lần		106.585	

CX1.04.00 LÀM CỎ TẠP*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuần chủng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX1.04.01	Làm cỏ tạp	100m ² /lần		71.057	

CX1.05.00 TRỒNG DẶM CỎ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Trồng dặm cỏ				
CX1.05.01	- Cỏ lá tre	1m2/lần	19.944	32.449	
CX1.05.02	- Cỏ nhung	1m2/lần	59.723	18.238	

CX1.06.00 PHUN THUỐC PHÒNG TRỪ SÂU CỎ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Phun thuốc trừ sâu cỏ.
- Mỗi năm phòng trừ 2 đợt, mỗi đợt phun 3 lần, mỗi lần cách nhau 5 đến 7 ngày.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần	375	16.817	

CX1.07.00 BÓN PHÂN THẨM CỎ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích thảm cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX1.07.01	Bón phân thẩm cỏ	100m2/lần	11.772	21.317	

CHƯƠNG II: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ**CX2.01.00 DUY TRÌ BỒN HOA**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau:**

- + Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 7lít/m²; Số lần tưới 320 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 7lít/m²; Số lần tưới 420 lần/năm.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau:**

- + Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 7lít/m²; Số lần tưới 195 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 7lít/m²; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2.01.10 TƯỚI NƯỚC GIẾNG KHOAN BỒN HOA, BỒN CẢNH, CÂY HÀNG RÀO BẰNG MÁY BƠM

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm.				
CX2.01.11	-Máy bơm chạy xăng 3cv	100m ² /lần	2.000	15.998	20.272
CX2.01.12	-Máy bơm chạy điện 1,5kw	100m ² /lần	2.000	19.997	19.730

CX2.01.20 TƯỚI NƯỚC BỒN HOA, BỒN CẢNH, CÂY HÀNG RÀO BẰNG THỦ CÔNG

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.01.21	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m ² /lần	2.000	32.218	

CX2.01.30 TƯỚI NƯỚC BỒN HOA, BỒN CẢNH, CÂY HÀNG RÀO BẰNG XE BỒN

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn.				
CX2.01.31	- Xe bồn 5m ³	100m ² /lần	2.000	22.219	31.773
CX2.01.32	- Xe bồn 8m ³	100m ² /lần	2.000	22.219	23.901

Ghi chú: Đơn giá của các công tác CX2.01.10; CX2.01.20; CX2.01.30 ban hành đơn giá đối với các đô thị vùng I. Các đô thị vùng II, vùng III trị số đơn giá nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số K = 1,42.

CX2.02.00 CÔNG TÁC THAY HOA BỒN HOA*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Công tác thay hoa bồn hoa				
CX2.02.01	- Hoa giống	100m ² /lần	24.525.000	710.568	
CX2.02.02	- Hoa giỏ	100m ² /lần	48.000.000	639.511	

CX2.03.00 PHUN THUỐC TRỪ SÂU BỒN HOA*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc..
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.03.01	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m ² /lần	375	39.555	

CX2.04.00 BÓN PHÂN VÀ XỬ LÝ ĐẤT BỒN HOA*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc..
- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- Bón đều phân vào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.04.01	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m2/lần	27.620	71.294	

CX2.05.00 DUY TRÌ BỒN CẢNH LÁ MÀU*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn .
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Duy trì bồn cảnh lá màu				
CX2.05.01	- Có hàng rào	100m2/năm	6.312.684	4.199.457	
CX2.05.02	- Không hàng rào	100m2/năm	9.465.708	5.284.257	

CX2.06.00 DUY TRÌ CÂY HÀNG RÀO, ĐƯỜNG VIÊN*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- Bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Duy trì cây hàng rào, đường viên				
CX2.06.01	- Cao < 1m	100m ² /năm	26.291	2.877.800	
CX2.06.02	- Cao ≥ 1m	100m ² /năm	26.291	4.571.321	

CX2.07.00 TRỒNG DẶM CÂY HÀNG RÀO, ĐƯỜNG VIÊN*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân hữu cơ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.07.01	Trồng dặm cây hàng rào, đường viên	1m ² /lần	14.127	7.999	

CX2.08.00 TƯỚI NƯỚC CÂY CẢNH RA HOA VÀ CÂY CẢNH TẠO HÌNH*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình được quy định như sau:**

- + Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 150 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 7lít/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 7lít/m²; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2.08.10 TƯỚI NƯỚC GIẾNG KHOAN CÂY CẢNH RA HOA VÀ CÂY CẢNH TẠO HÌNH BẰNG MÁY BƠM

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước giếng khoan cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm.				
CX2.08.11	- Máy bơm chạy xăng 3cv	100cây/lần	2.000	15.109	19.145
CX2.08.12	- Máy bơm chạy điện 1,5kw	100cây/lần	2.000	19.997	19.730

CX2.08.20 TƯỚI NƯỚC CÂY CẢNH RA HOA VÀ CÂY CẢNH TẠO HÌNH BẰNG THỦ CÔNG

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.08.21	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100cây/lần	2.000	29.996	

CX2.08.30 TƯỚI NƯỚC CÂY CẢNH RA HOA VÀ CÂY CẢNH TẠO HÌNH BẰNG XE BỒN

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn.				
CX2.08.31	- Xe bồn 5m ³	100cây/lần	2.000	21.997	31.455
CX2.08.32	- Xe bồn 8m ³	100cây/lần	2.000	195.530	21.511

Ghi chú: Đơn giá của các công tác CX2.08.10; CX2.08.20; CX2.08.30 ban hành đơn giá đối với các đô thị vùng I. Các đô thị vùng II, vùng III trị số đơn giá Nhân công, Máy thi công được điều chỉnh với hệ số K = 1,42.

CX2.09.00 DUY TRÌ CÂY CẢNH TRỞ HOA

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối .
- Bón phân vi sinh
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.09.01	Duy trì cây cảnh trở hoa	100cây/năm	167.960	10.978.276	

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trở hoa, đơn giá nhân công được nhân với hệ số K = 1,1.

CX2.10.00 TRỒNG DẶM CÂY CẢNH TRỞ HOA*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xói đất, trồng dặm cây cảnh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.10.01	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	100cây	2.452.400	2.999.606	

CX2.11.00 DUY TRÌ CÂY CẢNH TẠO HÌNH*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cây theo hình quy định.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.11.01	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây /năm	165.210	9.123.693	

CX2.12.00 TƯỚI NƯỚC CÂY CẢNH TRỒNG CHẬU*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau:**

- + Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 3 lít/cây; Số lần tưới 90 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 5 lít/cây; Số lần tưới 140 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 5 lít/cây; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2.12.10 TƯỚI NƯỚC GIẾNG KHOAN CÂY CẢNH TRỒNG CHẬU BẰNG MÁY BƠM

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước giếng khoan cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm.				
CX2.12.11	-Máy bơm chạy xăng 3cv	100chậu/lần	1.200	9.999	12.163
CX2.12.12	-Máy bơm chạy điện 1,5kw	100chậu/lần	1.200	13.998	12.824

CX2.12.20 TƯỚI NƯỚC CÂY CẢNH TRỒNG CHẬU BẰNG THỦ CÔNG

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.12.21	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	100chậu/lần	1.200	21.997	

CX2.12.30 TƯỚI NƯỚC CÂY CẢNH TRỒNG CHẬU BẰNG XE BỒN

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn.				
CX2.12.31	- Xe bồn 5m ³	100chậu/lần	1.200	13.998	20.970
CX2.12.32	- Xe bồn 8m ³	100chậu/lần	1.200	15.998	16.982

Ghi chú: Đơn giá của các công tác CX2.30.10; CX2.30.20; CX2.30.30 ban hành đơn giá đối với các đô thị vùng I. Các đô thị vùng II, vùng III trị số đơn giá Nhân công, Máy thi công được điều chỉnh với hệ số K = 1,42.

CX2.13.00 THAY ĐẤT, PHÂN CHẬU CẢNH*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.13.01	Thay đất, phân chậu cảnh	100chậu/lần	613.410	2.131.704	

CX2.14.00 DUY TRÌ CÂY CẢNH TRỒNG CHẬU*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cảnh hoặc chồi mọc không thích hợp thực hiện 6lần/năm.
- Bón phân vi sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.
- Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.14.01	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100chậu/lần	110.274	6.821.453	

CX2.15.00 TRỒNG DẶM CÂY CẢNH TRỒNG CHẬU

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.15.01	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100chậu trồng dặm	2.472.020	1.999.737	

CX2.16.00 THAY CHẬU HỒNG, VỠ

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.16.01	Thay chậu hồng, vỡ	100chậu/ lần	3.600.000	1.894.848	

CX2.17.00 DUY TRÌ CÂY LEO*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Làm cỏ xới gốc, rũ giàn, tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau:**

- + Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 5 lít/cây; Số lần tưới 120 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 5 lít/cây; Số lần tưới 145 lần/năm.
- + Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 5 lít/cây; Số lần tưới 175 lần/năm.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX2.17.01	Duy trì cây leo	10 cây/ lần	463	25.580	

CHƯƠNG III: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT**Phân loại cây bóng mát:**

- Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- Cây bóng mát trồng sau 2 năm:
 - + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây $\leq 20cm$.
 - + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc $\leq 50cm$.
 - + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc $> 50cm$.

CX3.01.00 DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT MỚI TRỒNG*Thành phần công việc:*

- Tưới nước ướt đẫm gốc cây.
- Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến chỗ quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX3.01.01	Duy trì cây bóng mát mới trồng	1cây/ năm	81.000	247.278	114.381

CX3.02.00 DUY TRÌ THẨM CỎ GỐC BÓNG MÁT(Diện tích thẩm cỏ bình quân 3m²/bôn)*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Tưới nước bằng xe bồn.
- Phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh thực hiện trung bình 8 lần/năm.
- Làm cỏ tạp thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ.
- Trồng dặm cỏ 30%.
- Bón phân hữu cơ thảm cỏ thực hiện trung bình 2lần/năm.
- Phòng trừ sâu cỏ thực hiện trung bình 6 lần/năm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cỏ được quy định như sau:**

+ Các đô thị ở Vùng I: Lượng nước tưới: 15 lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

+ Các đô thị ở Vùng II: Lượng nước tưới: 20 lít/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.

+ Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 20 lít/m²; Số lần tưới 240 lần/năm.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX3.02.01	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	1bồn/ năm	33.574	864.524	347.368

Ghi chú: Mức chi phí nước tưới và xe bồn 5m³ được ban hành đơn giá đối với các đô thị vùng I. Các đô thị vùng II được điều chỉnh với K=1,7; Vùng III được điều chỉnh với hệ số K = 2,3.

CX3.03.00 DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT LOẠI 1

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.

- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.

- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.

- Tẩy chồi thực hiện trung bình 4 lần/năm.

- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.

- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX3.03.01	Duy trì cây bóng mát loại 1	1cây/ năm	4.487	95.927	

CX3.04.00 DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT LOẠI 2*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX3.04.01	Duy trì cây bóng mát loại 2	1cây/ năm	830	603.983	129.024

CX3.05.00 DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT LOẠI 3*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX3.05.01	Duy trì cây bóng mát loại 3	1cây/ năm	1.379	1.234.020	212.311

CX3.06.00 GIẢI TOẢ CÀNH CÂY GỖ*Thành phần công việc:*

- Cảnh giới giao thông.
- Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về vị trí theo quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Giải toả cành cây gãy				
CX3.06.01	- Cây loại 1	1cây		63.951	14.734
CX3.06.02	- Cây loại 2	1cây	761	255.804	81.181
CX3.06.03	- Cây loại 3	1cây	914	426.341	103.876

CX3.07.00 CẮT THÁP TÁN, KHỔNG CHẾ CHIỀU CAO*Thành phần công việc:*

- Cảnh giới giao thông.
- Cắt tháp tán cây, khống chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, khống chế chiều cao từ 8 đến 12 m.
- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Cắt tháp tán, khống chế chiều cao				
CX3.07.01	- Cây loại 1	1cây	5.831	959.267	334.651
CX3.07.02	- Cây loại 2	1cây	6.997	1.279.022	421.527

CX3.08.00 GỖ PHỤ SINH CÂY CỔ THỤ*Thành phần công việc:*

- Cảnh giới giao thông.
- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
CX3.08.01	Gỗ phụ sinh cây cổ thụ	1cây		1.705.363	386.777

CX3.09.00 GIẢI TOẢ CÂY GỖ, ĐỔ*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch, khảo sát hiện trường, thông báo cắt điện.
- Chuẩn bị dụng cụ giao thông, cảnh giới giao thông.
- Giải toả cây đổ ngã, xử lý cành nhánh, thân cây, đào gốc, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 5km, san phẳng hố đào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Giải toả cành cây gãy, đổ				
CX3.09.01	- Cây loại 1	1cây		703.462	63.146
CX3.09.02	- Cây loại 2	1cây		1.492.193	514.631
CX3.09.03	- Cây loại 3	1cây		3.197.556	911.680

CX3.10.00 ĐÓN HẠ CÂY SÂU BỆNH*Thành phần công việc:*

- Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- Thu gọn cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định, cự ly vận chuyển trong phạm vi 5km.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Đốn hạ cây sâu bệnh				
CX3.10.01	- Cây loại 1	1cây		691.620	116.938
CX3.10.02	- Cây loại 2	1cây		2.707.264	860.443
CX3.10.03	- Cây loại 3	1cây		4.583.164	1.560.507

CX3.11.00 QUÉT VÔI GỐC CÂY

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tời vôi.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	Quét vôi gốc cây				
CX3.11.01	- Cây loại 1	1cây	783	6.666	
CX3.11.02	- Cây loại 2	1cây	2.820	11.110	
CX3.11.03	- Cây loại 3	1cây	5.640	25.108	

BẢNG PHỤ LỤC PHÂN VÙNG

Stt	TÊN VÙNG	Địa phương trực thuộc
1	Vùng I	Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, Điện Biên.
2	Vùng II	Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.
3	Vùng III	TP. Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang.

PHẦN C
BẢNG GIÁ VẬT LIỆU

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Giá chưa có VAT (đồng)
1	A dao	kg	100.900
2	Cây cảnh (Có hàng rào, cây lá màu, h=0,4-0,5m)	cây	19.619
3	Cây cảnh (Không hàng rào, cây lá màu, h=0,4-0,5m)	cây	19.619
4	Cây chống fi 60 (gỗ)	cây	15.450
5	Cây giống	cây	24.524
6	Chậu cảnh	chậu	36.000
7	Cỏ giống (Cỏ lá gừng)	m ²	17.657
8	Cỏ lá nhung	kg	55.007
9	Cỏ lá tre	kg	7.557
10	Đất mùn đen trộn cát mịn	m ³	67.465
11	Dây kẽm 1mm	kg	15.450
12	Đinh	kg	31.818
13	Hoa giỏ	giỏ	30.000
14	Hoa giống (Ngũ sắc)	cây	9.810
15	Nẹp gỗ	cây	2.039
16	Nước ngọt	m ³	5.429
17	Nước ngọt	kg	5
18	Nước tưới	m ³	4.000
19	Phân vi sinh	kg	3.924
20	Sơn	kg	30.000
21	Thuốc trừ sâu	lít	25.000
22	Thuốc xử lý đất	kg	40.000
23	Vôi cục	kg	3.000
24	Vôi bột	kg	3.000
25	Xăng	kg	22.169
26	Xăng	lít	16.405

BẢNG GIÁ NHÂN CÔNG

STT	Tên nhân công	Đơn vị	Đơn giá
1	Nhân công công trình đô thị nhóm I, Bậc 3,5/7	công	222.193
2	Nhân công công trình đô thị nhóm I, Bậc 4,0/7	công	236.856

BẢNG GIÁ XE MÁY VÀ THIẾT BỊ

STT	Tên xe máy và thiết bị	Đơn vị	Đơn giá
1	Ô tô vận tải thùng - trọng tải: 2,5 T	ca	740.244
2	Ô tô tưới nước - dung tích: 5,0 m ³	ca	1.059.084
3	Xe bồn 8m ³ (Ô tô tưới nước 7m ³)	ca	1.257.933
4	Xe ô tô tải có gắn cần trục - trọng tải xe: 2,5 T	ca	1.070.726
5	Máy bơm nước, động cơ điện - công suất: 1,50 kW	ca	219.220
6	Máy bơm nước, động cơ xăng - công suất: 3,0 CV	ca	281.550
7	Máy cưa gỗ cầm tay - công suất: 1,3 kW	ca	233.875
8	Xe thang - chiều dài thang: 12 m	ca	1.930.573
9	Máy cắt cỏ, máy cưa cây, động cơ xăng 3CV	ca	288.309

MỤC LỤC

PHẦN A – THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	1
PHẦN B – ĐƠN GIÁ XDCT – PHẦN DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ.....	5
CHƯƠNG I - DUY TRÌ THẨM CỎ.....	5
CX1.01.00 Tưới nước thấm cỏ thuận chủng và không thuận chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)	5
CX1.01.10 Tưới nước giếng khoan thấm cỏ thuận chủng bằng máy bơm.....	5
CX1.01.20 Tưới nước thấm cỏ thuận chủng bằng thủ công.....	6
CX1.01.30 Tưới nước thấm cỏ thuận chủng bằng xe bồn.....	6
CX1.01.40 Tưới nước giếng khoan thấm cỏ không thuận chủng (tiểu đảo, dải phân cách) bằng máy bơm.....	6
CX1.01.50 Tưới nước thấm cỏ không thuận chủng (tiểu đảo, dải phân cách) bằng thủ công	6
CX1.01.60 Tưới nước thấm cỏ không thuận chủng (tiểu đảo, dải phân cách) bằng xe bồn ..	7
CX1.02.00 Phát thấm cỏ thuận chủng và thấm cỏ không thuận chủng (tiểu đảo, dải phân cách).....	7
CX1.02.10 Phát thấm cỏ bằng máy	7
CX1.02.20 Phát thấm cỏ thủ công	8
CX1.03.00 Xén lẻ cỏ.....	8
CX1.04.00 Làm cỏ tạp.....	8
CX1.05.00 Trồng dặm cỏ.....	9
CX1.06.00 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	9
CX1.07.00 Bón phân thấm cỏ.....	9
CHƯƠNG II: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ.....	10
CX2.01.00 Duy trì bồn hoa.....	10
CX2.01.10 Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm	10
CX2.01.20 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	10
CX2.01.30 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn.....	11
CX2.02.00 Công tác thay hoa bồn hoa	11
CX2.03.00 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	11
CX2.04.00 Bón phân và xử lý đất bồn hoa.....	12
CX2.05.00 Duy trì bồn cảnh lá màu	12
CX2.06.00 Duy trì cây hàng rào, đường viền.....	13
CX2.07.00 Trồng dặm cây hàng rào, đường viền.....	13
CX2.08.00 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình	14
CX2.08.10 Tưới nước giếng khoan cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm ..	14
CX2.08.20 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng thủ công	14
CX2.08.30 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn	15

CX2.09.00 Duy trì cây cảnh trở hoa	15
CX2.10.00 Trồng dặm cây cảnh trở hoa	16
CX2.11.00 Duy trì cây cảnh tạo hình	16
CX2.12.00 Tưới nước cây cảnh trồng chậu	16
CX2.12.10 Tưới nước giếng khoan cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm	17
CX2.12.20 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	17
CX2.12.30 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn	17
CX2.13.00 Thay đất, phân chậu cảnh	18
CX2.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu	18
CX2.15.00 Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	18
CX2.16.00 Thay chậu hỏng, vỡ	18
CX2.17.00 Duy trì cây leo	19
CHƯƠNG III: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT.....	20
CX3.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng	20
CX3.02.00 Duy trì thăm cỏ gốc bóng mát	20
CX3.03.00 Duy trì cây bóng mát loại 1	21
CX3.04.00 Duy trì cây bóng mát loại 2	22
CX3.05.00 Duy trì cây bóng mát loại 3	22
CX3.06.00 Giải toả cành cây gãy	23
CX3.07.00 Cắt thấp tán, khống chế chiều cao	23
CX3.08.00 Gỡ phụ sinh cây cỏ thụ	23
CX3.09.00 Giải toả cây gãy, đổ	24
CX3.10.00 Đôn hạ cây sâu bệnh	24
CX3.11.00 Quét vôi gốc cây	24
PHẦN C: BẢNG GIÁ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG, XE MÁY VÀ THIẾT BỊ	27